

Số: *1662* /QĐ-UBND

*Đắk Nông, ngày 17 tháng 10 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thủy sản, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 240/TTr-SNN ngày 09 tháng 10 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thủy sản, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, nước sạch thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, công khai lên Trang thông tin điện tử của đơn vị đạt mức cấp độ 2 để tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng.

Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật đầy đủ thủ tục hành chính lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh đạt cấp độ 2.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC – VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Đắk Nông;
- Trung tâm hành chính công;
- Lưu: VT, NC.

M

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Huy

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN, TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT, NƯỚC SẠCH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~166~~ /QĐ-UBND, ngày ~~17~~ tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

TT	Tên thủ tục hành chính
<b>I. Lĩnh vực Thủy sản</b>	
1	Thủ tục kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực)
2	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá
3	Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai
<b>II. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</b>	
1	Thủ tục công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm
2	Thủ tục công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm
3	Thủ tục Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm
4	Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng
5	Thủ tục phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn
6	Phê duyệt Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn
<b>IV. Lĩnh vực nước sạch</b>	
1	Thủ tục Báo cáo kê khai công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung
	<b>Tổng số: 10 thủ tục hành chính.</b>

## **Phần II**

### **NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

#### **I. Lĩnh vực Thủy sản**

##### **1. Thủ tục kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực)**

###### **Trình tự thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, Phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần vào giờ hành chính (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).

Ngày khi nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra, Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông xem xét và hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông xác nhận vào giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, trong đó có thông báo cho cơ sở về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra chất lượng và gửi lại tổ chức cá nhân 02 bản giấy đăng ký đã có xác nhận của Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông.

Sau khi có kết quả kiểm tra (không quá 01 ngày làm việc) cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo đạt chất lượng (tại phụ lục 13) đối với lô hàng có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu và gửi cho tổ chức, cá nhân đăng ký.

Trường hợp kết quả kiểm tra không đảm bảo chất lượng, Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông có văn bản Thông báo không đạt chất lượng (tại phụ lục 13) cho tổ chức, cá nhân đăng ký và xử lý vi phạm theo quy định.

Sau khi có kết quả kiểm tra, Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ nông lâm nghiệp và thủy sản chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT để trả cho tổ chức, cá nhân đăng ký.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Bưu điện.

###### **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

###### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị kiểm tra chất lượng (03 bản) theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TTBNNPTNT.

- Bản chính hoặc bản sao chụp (có đóng dấu của cơ sở nhập khẩu) các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, bản kê chi tiết hàng hóa (Packinglist), hóa đơn mua bán (Invoice).

###### **b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

**Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc.

###### **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

- Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông (Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ nông lâm nghiệp và thủy sản): Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống bố mẹ chủ lực).

- Cơ quan phối hợp: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Đắk Nông.

**Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức; Cá nhân.

**Mẫu đơn, tờ khai:**

Giấy đề nghị kiểm tra chất lượng (03 bản) theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT.

**Phí, lệ phí:** 50.000 đ/ lần và 0,095% giá trị lô hàng (tối thiểu 285.000 đồng, tối đa 9.500.000 đồng). (Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013).

**Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy thông báo đạt chất lượng hoặc giấy thông báo không đạt chất lượng.

**Điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

**Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007.

- Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý giống thủy sản.

- Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

**Phụ lục 12**

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT  
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

**Kính gửi:** Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông

Tên doanh nghiệp:.....

Tên người đại diện: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:.....Fax:.....

Đề nghị kiểm tra chất lượng:

1. Tên giống thủy sản (kèm theo tên khoa học):.....
2. Số lượng:..... Khối lượng:.....
3. Tuổi:.....Độ thuần chủng.....
4. Tỷ lệ đực cái.....Độ thành thực .....(đối với giống bố mẹ)
5. Tên cơ sở sản xuất hàng hoá:.....
6. Nước sản xuất:.....
7. Nơi xuất hàng:.....
8. Nơi nhận hàng:.....
9. Thời gian đăng ký thực hiện kiểm tra:.....
10. Địa điểm đăng ký thực hiện kiểm tra:.....
11. Tài liệu, hồ sơ kèm theo giấy đề nghị kiểm tra này gồm:
  - a).....
  - b).....
12. Thông tin liên hệ:.....Số ĐT.....

**Ghi chú:** Sau khi được cơ quan kiểm tra đóng dấu xác nhận việc đăng ký kiểm tra, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan, tạm thời được phép đưa hàng hóa về nơi đăng ký để kiểm tra chất lượng (nơi nuôi cách ly kiểm dịch) theo quy định. Kết thúc việc kiểm tra chất lượng, cơ sở phải nộp Thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan Hải quan để hoàn tất thủ tục./.

....., ngày...tháng...năm...

**CHỦ CƠ SỞ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày...tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KIỂM TRA**

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC 13**

**MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cơ quan thông báo:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax: .....

**THÔNG BÁO  
KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

		Số: /TCTS-KQKT <sup>(*)</sup>
<b>Bên bán hàng:</b> Địa chỉ, Điện thoại, Fax:		<b>Tên cơ sở sản xuất:</b>
		<b>Nơi xuất hàng:</b>
<b>Bên mua hàng</b> Địa chỉ Điện thoại, Fax:		<b>Nơi nhận hàng</b>
<b>Tên hàng hoá:</b>	<b>Số lượng:</b>	<b>Mô tả hàng hoá</b>
<b>Mã số lô hàng:</b>	<b>Khối lượng:</b>	
Căn cứ Hồ sơ đăng ký, kết quả kiểm tra và kết quả xét nghiệm .....		
<b>(Cơ quan kiểm tra xác nhận)</b>		
<b>Lô hàng Đạt/ Không đạt chất lượng<sup>(**)</sup></b>		

**Nơi nhận:**

- Cơ sở đăng ký kiểm tra;
- Cơ quan quản lý địa phương;
- .....
- Lưu: VT, NTTS.

....., ngày.....

**Đại diện cơ quan kiểm tra**

*(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(\*): Đơn vị được Tổng cục Thủy sản uỷ quyền ghi Số theo cách tương ứng để quản lý;

(\*\*): Ghi rõ Đạt hoặc Không đạt.

**2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá.**

**Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá lập hồ sơ gửi về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT.

Địa chỉ: đường Trần Hưng Đạo, Phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Thời gian nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần vào giờ hành chính (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký bè cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này);

- Giấy tờ hợp pháp do Cơ quan có thẩm quyền cấp về Quyền sử dụng mặt nước, hoặc quyền thuê mặt nước đặt bè cá;

- Sơ đồ vùng nước nơi đặt bè cá (nếu có);

- Giấy cam kết đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi thủy sản bằng bè cá.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**Thời gian giải quyết:** 03 ngày làm việc.

**Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông.

- Cơ quan phối hợp: Không.

**Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, Cá nhân.

**Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu quy định tại Phụ lục số 5, Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**Lệ phí:** Không.

**Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký bè cá.

**Yêu cầu điều kiện TTHC:** Không.

**Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.

- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.



**Phụ lục số 5**

**Tờ khai đăng ký bè cá**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT  
ngày 06 tháng 4 năm 2011)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI  
ĐĂNG KÝ BÈ CÁ**

**Kính gửi:** Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của bè cá như sau:**

Đối tượng nuôi: .....

Năm, nơi đóng: .....

Nơi đặt bè: .....

Kích thước chính L(m) x B(m) x D(m): .....

Vật liệu khung bè: ..... ; Vật liệu dự trữ nổi: .....

Tổng dung tích: .....

Các thiết bị lắp đặt trên bè cá:.....

Số người làm việc trên bè cá, người.....

**2. Họ tên, địa chỉ các chủ sở hữu (nếu bè cá thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân
01			

**3. Hồ sơ kèm theo**

TT	Hồ sơ đăng ký bè cá	Bản chính	Bản sao
01	Hợp đồng đóng mới bè cá		
02	Giấy chứng nhận đăng ký cũ (đối với bè cá chuyển nhượng quyền sở hữu)		
03	Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu bè cá (đối với bè cá chuyển nhượng quyền sở hữu)		
04	Biên lai nộp thuế trước bạ		

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN CHỦ BÈ CÁ**

**XÁC NHẬN**

của xã, phường nơi đặt bè cá

(Ký tên, đóng dấu)

### **3. Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai**

#### **Trình tự thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT, đường Trần Hưng Đạo, Phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Thời gian nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần vào giờ hành chính (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận hồ sơ đăng ký lưu giữ chuyên Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ nông lâm nghiệp và thủy sản thực hiện, cấp Giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai cho chủ sở hữu sau khi có kết luận và kiến nghị cấp giấy chứng nhận này của Hội đồng thẩm định.

Thành lập Hội đồng thẩm định: Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Thành phần hội đồng thẩm định gồm: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT phụ trách lĩnh vực thủy sản làm Chủ tịch; đại diện: Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ nông lâm nghiệp và thủy sản và Trung tâm giống thủy sản tỉnh là thành viên.

Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: Xem xét hồ sơ đăng ký lưu giữ của chủ sở hữu; kiểm tra cơ sở lưu giữ, lập biên bản thẩm định, kiến nghị cấp giấy chứng nhận lưu giữ cho chủ sở hữu có đủ các điều kiện theo quy định tại Thông tư này.

Thời gian thẩm định: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ, Hội đồng thẩm định phải hoàn thành biên bản thẩm định.

Thời gian cấp Giấy chứng nhận lưu giữ cho chủ sở hữu: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành biên bản thẩm định, Sở Nông nghiệp và PTNT phải cấp giấy chứng nhận miễn phí lưu giữ cho chủ sở hữu (Phụ lục 2), nếu không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị đăng ký lưu giữ (theo mẫu tại Phụ lục 1) của Thông tư này;
- Bản mô tả quy trình công nghệ nuôi, giải pháp khoanh vùng quản lý và hệ thống bảo vệ tránh thoát ra ngoài thủy vực tự nhiên.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

**Thời gian giải quyết:** 15 ngày làm việc.

#### **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông.

- Cơ quan phối hợp: Không.

**Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, Cá nhân.

**Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị đăng ký lưu giữ (theo mẫu tại Phụ lục 1) của Thông tư số 53/2009/TT-BNNPTNT.

**Phí và lệ phí:** không.

**Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai.

**Yêu cầu điều kiện TTHC:** không.

**Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư 53/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 quy định quản lý các loài thủy sinh vật ngoại lai tại Việt Nam.

**Phụ lục I. Mẫu đơn đề nghị đăng ký lưu giữ loài thủy sinh vật ngoại lai:.....**

**TÊN CHỦ SỞ HỮU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 200

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LƯU GIỮ**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông

Họ và tên người đề nghị: (Trường hợp là tổ chức thì tên người đại diện)

Số CMND:..... ngày cấp:..... nơi cấp:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại: .....

Tên tổ chức:..... Địa chỉ:.....

Đề nghị cơ quan xem xét, cấp giấy chứng nhận lưu giữ loài thủy sinh vật ngoại lai với chi tiết sau:

TT	Tên loài và tên khoa học	Số chíp điện tử (số hồ sơ), nếu là loài thuộc công ước QT	Số cá thể, khối lượng (ước tính)	Nguồn gốc (Ghi rõ nguồn gốc từ đâu, thời gian nào, được nuôi theo Quyết định nào)	Ghi chú
1					
2					
...	.....				

Mục đích sở hữu: (nuôi kinh doanh, cho sinh sản, giải trí, buôn bán....)

Mô tả cơ sở hạ tầng của trại nuôi: (địa điểm, diện tích, quy mô trại nuôi, biện pháp cách ly đối với loài bản địa, điều kiện về an toàn, phòng ngừa bệnh dịch, vệ sinh môi trường...)

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm: .....

Tôi xin cam đoan chịu trách nhiệm đảm bảo duy trì mọi điều kiện để lưu giữ loài ..... và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ tên); đóng dấu đối với tổ chức

## **II. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật**

### **1. Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm**

#### **Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận cây đầu dòng gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Bộ phận tiếp nhận và TKQ - Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông nơi có cây đầu dòng (trường hợp người nộp trực tiếp cần xuất trình giấy Chứng minh nhân dân).

Địa chỉ: số 02 Trần Hưng Đạo, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần vào giờ hành chính (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).

**Bước 2:** Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 3:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Quyết định thành lập Hội đồng bình tuyển cây đầu dòng;

Trong thời hạn 35 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập, Hội đồng bình tuyển tiến hành thẩm định cây đầu dòng, lập biên bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đánh giá của Hội đồng bình tuyển, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định cấp hoặc không cấp Giấy công nhận cây đầu dòng. trường hợp không công nhận, phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nêu rõ lý do.

**Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và TKQ - Sở Nông nghiệp và PTNT

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và TKQ - Sở Nông nghiệp và PTNT.

#### **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Phụ lục 01 hoặc Annex 01 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012);

- Các tài liệu liên quan gồm: Sơ đồ vườn cây; báo cáo về nguồn giống; kết quả nghiên cứu, hội thi (nếu có).

- Báo cáo về nguồn giống phải có các nội dung: nguồn gốc xuất xứ; thời gian, vật liệu gieo trồng; các chỉ tiêu về sinh trưởng, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất lợi về sâu bệnh hại, khô hạn, ngập úng, rét hại, nắng nóng (số liệu của 03 năm liên tục gần nhất).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Đối tượng:** Cá nhân, tổ chức có nhu cầu công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông.

**Cơ quan tham mưu thực hiện:** Chi cục Trồng trọt và BVTV Đắk Nông.

**Kết quả thủ tục hành chính:**

Quyết định cấp hoặc không cấp Giấy công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm (trường hợp không công nhận phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nêu rõ lý do).

Thời hạn hiệu lực của giấy công nhận: 5 năm kể từ ngày cấp.

**Phí, lệ phí:** Không.

**Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Phụ lục 01 hoặc Annex 01 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012).

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

**Mẫu đơn đề nghị công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN CÂY ĐẦU DÒNG  
CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh/TP.....

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....Điện thoại/Fax/E-mail.....
3. Tên giống:.....
4. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng  
Thôn.....xã.....huyện.....tỉnh/TP:.....
5. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:
  - Năm trồng:
  - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (*cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác*):.....
  - Tình hình sinh trưởng (*chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng*):.....
  - Năng suất, chất lượng của giống (*nêu những chỉ tiêu chủ yếu*):

Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:

- Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):
- Diện tích vườn ( $m^2$ ):
- Khoảng cách trồng (m x m):

6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:

- Sơ đồ vườn cây;
- Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;
- Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;
- Tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống.

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.**

....ngày ... tháng ... năm 20.....

**Đại diện đơn vị\***

(ký tên, đóng dấu)

**(\*Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân gửi kèm theo đơn)**

## **2. Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm**

### **Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng gửi hồ sơ qua bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và TKQ - Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông nơi có vườn cây đầu dòng (trường hợp người nộp trực tiếp cần xuất trình giấy Chứng minh nhân dân).

- Địa chỉ: số 02 Trần Hưng Đạo, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần vào giờ hành chính (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).

**Bước 2:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ

**Bước 3:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Quyết định thành lập Tổ thẩm định vườn cây đầu dòng;

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập, Tổ thẩm định tiến hành thẩm định vườn cây đầu dòng, lập biên bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đánh giá của Tổ thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định cấp hoặc không cấp Giấy công nhận vườn cây đầu dòng; trường hợp không công nhận phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nêu rõ lý do.

**Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và TKQ - Sở Nông nghiệp và PTNT.

## **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Phụ lục 01 hoặc Annex 01 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012).

- Các tài liệu liên quan gồm: Sơ đồ vườn cây; báo cáo về vườn cây đầu dòng.

- Báo cáo về vườn cây đầu dòng phải có các nội dung: nguồn gốc xuất xứ; thời gian, vật liệu gieo trồng; nhận xét về sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất lợi về sâu bệnh hại, khô hạn, ngập úng, rét hại, nắng nóng.

### **b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định

**Đối tượng:** Cá nhân, tổ chức có nhu cầu công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

### **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông.

- Cơ quan tham mưu thực hiện: Chi cục Trồng trọt và BVTV Đắk Nông.

### **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định cấp hoặc không cấp Giấy công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm (trường hợp không công nhận phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nêu rõ lý do).

Thời hạn hiệu lực của giấy công nhận: 5 năm kể từ ngày cấp.

**Phí, lệ phí:** Không.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Phụ lục 01 hoặc Annex 01 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012).

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

- Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

## **Mẫu đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT  
ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN VƯỜN CÂY ĐẦU DÒNG  
CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM**



Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh/TP.....

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....Điện thoại/Fax/E-mail.....
3. Tên giống:.....
4. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng  
Thôn..... xã..... huyện..... tỉnh/TP:.....
5. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:
  - Năm trồng:
  - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (*cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác*):.....
  - Tình hình sinh trưởng (*chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng*):.....
  - Năng suất, chất lượng của giống (*nêu những chỉ tiêu chủ yếu*):Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:
  - Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):
  - Diện tích vườn (m<sup>2</sup>):
  - Khoảng cách trồng (m x m):
6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:
  - Sơ đồ vườn cây;
  - Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;
  - Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;
  - Tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống.

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.**

.....ngày ... tháng ... năm 20.....

**Đại diện đơn vị\***

(*ký tên, đóng dấu*)

(\*Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân gửi kèm theo đơn)

### **3. Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm**

#### **Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Trước khi hết hạn 03 (ba) tháng, nếu chủ nguồn giống có nhu cầu đăng ký công nhận lại phải gửi hồ sơ qua bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông (trường hợp người nộp trực tiếp cần xuất trình giấy Chứng minh nhân dân).

Địa chỉ: số 02 Trần Hưng Đạo, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần vào giờ hành chính (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).

**Bước 2:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 3:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, căn cứ thực tế quá trình chăm sóc, sử dụng, sinh trưởng của cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, nếu đủ điều kiện thì Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận lại.

**Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.

**Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công nhận lại nguồn giống;
- Bản sao quyết định lần công nhận gần nhất;
- Sơ đồ nguồn giống, báo cáo tóm tắt về sinh trưởng, năng suất, chất lượng, số lượng khai thác vật liệu nhân giống trong thời gian lần công nhận nguồn giống gần nhất.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

**Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức có nhu cầu cấp lại giấy công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông.

**Cơ quan tham mưu thực hiện:** Chi cục Trồng trọt và BVTV Đắk Nông.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp Giấy công nhận lại cây đầu dòng hoặc vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.
- Thời hạn hiệu lực của giấy công nhận lại: 5 năm kể từ ngày cấp.

**Phí, lệ phí:** Không.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.
- Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

#### **4. Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng**

**Trình tự thực hiện:**

\* **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và TKQ - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông (trường hợp người nộp trực tiếp cần xuất trình giấy Chứng minh nhân dân).

Địa chỉ: số 02 Trần Hưng Đạo, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần vào giờ hành chính (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).

\* **Bước 2:** Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về việc tiếp nhận bản công bố.

\* **Bước 3:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Cách thức thực hiện:** Nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và TKQ - Sở Nông nghiệp và PTNT.

**Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ: Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận, hồ sơ bao gồm:

- Bản công bố hợp quy theo mẫu Phụ lục V của Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015.

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập.

- Đối với giống nhập khẩu: Bản sao từ giấy chứng nhận hợp quy gốc của một lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.

- Đối với giống sản xuất trong nước: Bản sao từ giấy chứng nhận hợp quy gốc của một giống theo từng cấp giống do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.

- Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, hồ sơ bao gồm:

- Bản công bố hợp quy theo nội dung tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015.

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập.

- Bản sao biên bản kiểm định đồng ruộng của một lô ruộng giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống.

- Bản sao 01 phiếu kết quả thử nghiệm mẫu từ bản gốc của một lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống trong vòng 6 tháng tính từ ngày phát hành phiếu kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm được chỉ định đến thời điểm nộp hồ sơ công bố hợp quy.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy chưa được chứng nhận phù hợp ISO 9001, hồ sơ công bố gồm: Quy trình sản xuất giống và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 của Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT kế hoạch giám sát hệ thống quản lý.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy đã được chứng nhận phù hợp ISO 9001, hồ sơ công bố hợp quy có bản sao từ giấy chứng nhận phù hợp ISO 9001.

- Báo cáo đánh giá hợp quy của một lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống trong vòng 6 tháng tính từ ngày phát hành theo nội dung tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

**Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố hợp quy giống cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông.
- Cơ quan tham mưu thực hiện: Chi cục Trồng trọt và BVTV Đắk Nông.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thông báo tiếp nhận công bố hợp quy.

**Phí, lệ phí:** Không.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Bản công bố hợp quy theo mẫu Phụ lục V của Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015.

- Kế hoạch kiểm soát chất lượng theo Phụ lục 14 tại Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**Căn cứ pháp lý:**

- Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ban hành ngày 15/12/2015 Quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng.

- Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý.

**Mẫu bản công bố hợp quy**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**

Số.....

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:.....

**CÔNG BỐ:**

Giống cây trồng (loài, tên, cấp giống, đặc tính của giống).....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

..... Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp quy (kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận/tự đánh giá), phương thức đánh giá sự phù hợp: phương thức 5/phương thức 7):.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Đại diện Tổ chức, cá nhân**

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

**MẪU KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55 /2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Đại diện doanh nghiệp**

(ký tên, đóng dấu)

**5. Phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn**

**Trình tự thực hiện:**

\* **Bước 1:** Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân có đơn đề nghị xây dựng cánh đồng lớn gửi 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Bộ phận tiếp nhận và TKQ - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông xin ý kiến chấp thuận (trường hợp người nộp trực tiếp cần xuất trình giấy Chứng minh nhân dân).

Địa chỉ: số 02 Trần Hưng Đạo, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần vào giờ hành chính (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).

\* **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và TKQ tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định.

Viết giấy biên nhận giao cho người nộp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận và TKQ - Sở Nông nghiệp và PTNT chuyển hồ sơ tới Chi cục Trồng trọt và BVTV, trong 02 (hai) ngày làm việc Chi cục Trồng trọt và BVTV xem xét tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì phải thông báo cho Bộ phận tiếp nhận và TKQ - Sở Nông nghiệp và PTNT để hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.

\* **Bước 3:** Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Trồng trọt và BVTV chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan xem xét, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo bằng văn bản trả lời việc chấp thuận đơn đề nghị xây dựng Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân.

\* **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và TKQ - Sở Nông nghiệp và PTNT.

+ Đối với hồ sơ được gửi trực tiếp: người nhận kết quả đem theo biên nhận hồ sơ.

+ Đối với hồ sơ được gửi qua đường bưu điện:

Trường hợp là tổ chức gửi hồ sơ thì người nhận kết quả xuất trình giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp công nhận cây đầu dòng của doanh nghiệp và giấy chứng minh nhân dân của người nhận.

Trường hợp là cá nhân gửi hồ sơ thì người nhận kết quả xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy ủy quyền của người gửi hồ sơ và giấy chứng minh nhân dân của người nhận (trường hợp người gửi hồ sơ không trực tiếp nhận kết quả).

**Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (phụ lục II, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPNT).

b) Số lượng hồ sơ: Số lượng không quy định.

**Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**Cơ quan thực hiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông.

- Cơ quan tham mưu thực hiện: Chi cục Trồng trọt và BVTV Đắk Nông.

**Kết quả thực hiện thực thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng cánh đồng lớn (trường hợp không chấp thuận chủ trương phải nêu rõ lý do).

**Phí, lệ phí:** Không.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn phụ lục II, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPNT ngày 29/4/2014.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\* *Tiêu chí bắt buộc:*

+ Phù hợp với quy hoạch của địa phương về: Phát triển kinh tế - xã hội; sử dụng đất; tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp; nông thôn mới và các quy hoạch khác.

+ Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất được thống nhất giữa các bên tham gia liên kết, phù hợp với loại cây trồng và đảm bảo phát triển bền vững.

+ Có ít nhất một trong các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng sau đây:

Liên kết giữa doanh nghiệp tiêu thụ - doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân.

Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân.

Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân.

Liên kết sản xuất giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân.

(Mẫu hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo phụ lục I thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014).

Quy mô diện tích của cánh đồng lớn: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) căn cứ điều kiện của địa phương quy định quy mô diện tích tối thiểu Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn phù hợp với điều kiện cụ thể và từng loại nông sản, hình thành vùng nguyên liệu.

*\* Tiêu chí khuyến khích:*

Có hạ tầng kinh tế như hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện và những công trình phục vụ sản xuất khác đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và từng bước cải thiện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung.

Quy mô lớn tập trung và áp dụng cơ giới hóa đồng bộ; công nghệ tiên tiến (sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, VietGAP, Global GAP,..) và có cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến nông sản gần nơi sản xuất.

Các tiêu chí khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nếu thấy cần thiết.

**Căn cứ pháp lý:**

- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

- Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

- Quyết định số 906/QĐ-BNN-KTHT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành quy định tại thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

## **MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG DỰ ÁN HOẶC PHƯƠNG ÁN CÁNH ĐỒNG LỚN**

*(Kèm theo Thông tư số 15 /2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của  
Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày tháng năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG  
DỰ ÁN HOẠC PHƯƠNG ÁN CÁNH ĐỒNG LỚN**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.....

Căn cứ Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 về hướng dẫn thực hiện một số điều trong Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ../...../..... của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch (Kế hoạch) cánh đồng lớn.

.....kính trình Sở Nông nghiệp và PTNT, xem xét chấp thuận chủ trương xây dựng cánh đồng lớn tại xã..... huyện .....tỉnh, với các nội dung như sau:

1. Tên Dự án (Phương án): Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn .....
2. Cơ quan xây dựng: Doanh nghiệp/tổ chức đại diện của nông dân .....
3. Đối tác tham gia: (Ghi rõ các đối tác tham gia là những tổ chức cá nhân sau này sẽ tham gia ký các hợp đồng sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn).....
4. Mục tiêu: (Bao gồm các mục tiêu như nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả sản xuất và thu nhập của các đối tác tham gia; Bảo đảm ổn định nguyên liệu cho chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản; nâng cao chất lượng nông sản và những mục tiêu khác).....
5. Nội dung và quy mô:  
.....
6. Địa điểm triển khai (Ghi rõ tên các xã, huyện dự kiến xây dựng cánh đồng lớn)  
.....
7. Kinh phí đầu tư (dự kiến):  
.....
8. Nguồn vốn (các nguồn của doanh nghiệp đầu tư, nguồn vốn vay và các nguồn hợp pháp khác): .....

Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT, xem xét, chấp thuận chủ trương xây dựng cánh đồng lớn hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ ..... để ..... làm căn cứ thực hiện./.

GIÁM ĐỐC/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**MẪU HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN**  
(Kèm theo Thông tư số : 15 /2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG**

**LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ..... Số: ...../ 20.... /HĐSXTT**

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13, có hiệu lực ngày 01/01/2017;

Căn cứ.....

Hôm nay, ngày..... tháng ..... năm 20.... tại .....

....., hai bên gồm:

**BÊN A: DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN .....**

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Mã số thuế: .....

Tài khoản: .....

Do ông/bà: .....

Chức vụ: ..... làm đại diện.

**BÊN B: TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN/NÔNG DÂN.....**

Do ông/bà :..... Chức vụ: ..... làm đại diện.

CMND số:.....ngày cấp .....nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Tài khoản: .....

Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:

**Điều 1. Nội dung chính**

1. Bên B đồng ý Hợp đồng sản xuất và bán (tiêu thụ) ..... cho bên A:

- Thời gian sản xuất: từ ngày..... tháng ..... năm .. đến ngày.... tháng.... năm.....
- Diện tích: ..... ha. - Sản lượng dự kiến: ..... tấn.
- Địa điểm: .....

2. Bên A bán (trả ngay hoặc ghi nợ) cho bên B giống, vật tư phục vụ sản xuất cụ thể như sau:

Tên sản phẩm	Diện tích sản xuất (ha)	Số lượng (tấn)	Đơn giá (đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
1				
2				
<b>Tổng cộng</b>				

3. Nếu bên B tự mua (tên giống hoặc vật tư)..... : .....(tên giống hoặc vật tư) mà bên B tự mua phải là loại ..... đạt tiêu chuẩn, chất lượng của giống....., được sự chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền,

4. Bên B bán .....hàng hóa cho bên A:

- Số lượng tạm tính: .....
- Với quy cách, chất lượng, phương thức kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm..... .... do hai bên đặc thỏa thuận được ghi ở Điều 3 dưới đây và với số lượng thực tế khi thu hoạch.

**Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận và bốc xếp**

1. Thời gian giao hàng
2. Địa điểm giao, nhận hàng
3. Bốc xếp, vận chuyển, giao nhận

**Điều 3. Giá cả và phương thức thanh toán, địa điểm giao hàng**

1. Giống và vật tư nông nghiệp (áp dụng cho trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B

- Giá các loại vật tư, phân bón, công lao động
- Phương thức thanh toán
- Thời hạn thanh toán

2. Sản phẩm hàng hóa

- Tiêu chuẩn: (các tiêu chuẩn sản phẩm hàng hóa phải đạt được).
- Giá nông sản dự kiến (giá thị trường tại thời điểm thu hoạch hoặc giá sàn hoặc mức bù giá.....)
- Phương thức và thời điểm thanh toán

3. Địa điểm giao hàng

- Ghi rõ địa điểm bên B giao sản phẩm nông sản hàng hoá cho bên A

**Điều 4. Trách nhiệm bên A**

- Giới thiệu doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn) cho bên B nếu bên B có nhu cầu.
- Đảm bảo giao giống đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, qui cách và thời hạn đã cam kết (đối với trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B giống phục vụ sản xuất).
- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa đúng theo quy cách - phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.
- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A (căn cứ theo lịch điều phối của bên A).
- Cung cấp bao bì đựng ..... cho bên B (nếu có yêu cầu) sau khi đạt được thỏa thuận mua bán giữa hai bên.

.....

**Điều 5. Trách nhiệm bên B**

- Bên B phải tuân thủ các qui trình canh tác theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông nghiệp.
- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách về phẩm chất, số lượng (theo thực tế thu hoạch), đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.
- Cung cấp cho bên A các thông tin về quá trình canh tác, thời gian thu hoạch, địa điểm giao hàng v.v....
- Lập danh sách hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất trong cánh đồng lớn (có danh sách kèm theo hợp đồng).

.....

**Điều 6. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng  
Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.
2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng  
Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

**Điều 7. Điều khoản chung**

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.
  2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra tòa án để giải quyết theo pháp luật.
- Hợp đồng được lập thành ..... bản, mỗi bên giữ ..... bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**6. Phê duyệt Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn**  
**Trình tự thực hiện:**

\* **Bước 1:** Sau khi được chấp thuận chủ trương, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân xây dựng Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn gửi 07 (bảy) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông (trường hợp người nộp trực tiếp cần xuất trình giấy Chứng minh nhân dân).

- Địa chỉ: số 02 Trần Hưng Đạo, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần vào giờ hành chính (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).

\* **Bước 2:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm kiểm tra mức độ đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu đơn vị nộp hồ sơ hoàn thiện đầy đủ nếu hồ sơ còn thiếu.

\* **Bước 3:** Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan xem xét, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt Dự án hoặc Phương án.

Trường hợp Dự án hoặc Phương án không được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân.

\* **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện

**Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị phê duyệt Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (phụ lục IV, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPNT).

+ Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (phụ lục III, thông tư 15/2014/TT-BNNPNT).

+ Giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh có điều kiện (bản chứng thực).

+ Thông tin về năng lực tiêu thụ nông sản của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân được tính bằng sản lượng nông sản tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu trung bình 3 năm gần nhất; hoặc năng lực bảo quản và chế biến tính theo công suất kho, xưởng và máy móc thiết bị phục vụ chế biến hiện có của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân. Các thông tin này do doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 07 (bảy) bộ.

**Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**Cơ quan thực hiện thực hiện thủ tục hành chính:**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** UBND tỉnh Đắk Nông.

**Cơ quan tham mưu thực hiện:** Chi cục Trồng trọt và BVTV - Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông.

**Kết quả thực hiện thực thủ tục hành chính:**

+ Quyết định phê duyệt, hoặc văn bản thông báo của Sở Nông nghiệp và PTNT (trường hợp không được phê duyệt phải nêu rõ lý do).

+ Thời gian thực hiện Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn phải đảm bảo theo lộ trình thực hiện đối với cây hàng năm là 5 năm, đối với cây lâu năm là 7 năm.

**Phí, lệ phí:** Không.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị phê duyệt Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (phụ lục IV, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPNT ngày 29/4/2014).

+ Đề cương Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (phụ lục III, thông tư 15/2014/TT-BNNPNT).

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*\* Tiêu chí bắt buộc:*

- Phù hợp với quy hoạch của địa phương về: Phát triển kinh tế - xã hội; sử dụng đất; tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp; nông thôn mới và các quy hoạch khác.

- Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất được thống nhất giữa các bên tham gia liên kết, phù hợp với loại cây trồng và đảm bảo phát triển bền vững.

- Có ít nhất một trong các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng sau đây:

+ Liên kết giữa doanh nghiệp tiêu thụ - doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân.

+ Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân.

+ Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân.

+ Liên kết sản xuất giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân.

(Mẫu hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo phụ lục I thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014).

- Quy mô diện tích của cánh đồng lớn: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) căn cứ điều kiện của địa phương quy định quy mô diện tích tối thiểu Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn phù hợp với điều kiện cụ thể và từng loại nông sản, hình thành vùng nguyên liệu.

*\* Tiêu chí khuyến khích:*

- Có hạ tầng kinh tế như hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện và những công trình phục vụ sản xuất khác đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và từng bước cải thiện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung.

- Quy mô lớn tập trung và áp dụng cơ giới hóa đồng bộ; công nghệ tiên tiến (sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, VietGAP, Global GAP,..) và có cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến nông sản gần nơi sản xuất.

- Các tiêu chí khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nếu thấy cần thiết.

**Căn cứ pháp lý:**

- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

- Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày



.....  
.....  
.....  
.....  
.....

6. Địa điểm triển khai (Ghi rõ tên các xã, huyện dự kiến xây dựng cánh đồng lớn)

.....  
...

7. Kinh phí đầu tư (dự kiến):.....

8. Nguồn vốn (các nguồn của doanh nghiệp đầu tư, nguồn vốn vay và các nguồn hợp pháp khác):

.....  
.....

9. Lộ trình thực hiện:.....

10. Dự kiến kết quả triển khai:.....

11. Tổ chức thực hiện:.....

..... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh....., Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn....., xem xét, phê duyệt Dự án (Phương án) cánh đồng lớn hợp tác, liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ ..... để ..... làm căn cứ thực hiện./.

**GIÁM ĐỐC/CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **MẪU ĐỀ CƯƠNG DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN) CÁNH ĐỒNG LỚN**

(Kèm theo Thông tư số: 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

#### **Phần I: GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN)**

1. Tên Dự án (Phương án): Tên Dự án (Phương án) phải ghi rõ đây là Dự án (Phương án) cánh đồng lớn đối với loại cây trồng gì và địa bàn triển khai chính là ở đâu. Ví dụ: Dự án xây dựng cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao xuất khẩu tại huyện X, tỉnh Y.

2. Địa chỉ thực hiện Dự án (Phương án): Ghi đầy đủ địa chỉ tên các xã, huyện, tỉnh Dự án sẽ triển khai.

3. Các đối tác tham gia Dự án (Phương án)

a) Doanh nghiệp: Tên của các doanh nghiệp, loại hình dịch vụ kinh doanh chính (ví dụ chế biến xuất khẩu gạo), năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong 3 năm trở lại đây.

b) Tổ chức đại diện của nông dân: Tên Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và số lượng thành viên tham gia.

c) Nông dân: Số lượng nông dân tham gia.

#### 4. Căn cứ pháp lý xây dựng Dự án (Phương án) cánh đồng lớn

- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính Phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn và Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm về việc phê duyệt Quy hoạch (Kế hoạch) cánh đồng lớn của Ủy ban nhân dân tỉnh.....

- Văn bản số / -SNN ngày tháng năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh ..... về việc chấp thuận chủ trương xây dựng cánh đồng lớn.....

- Những căn cứ khác (nếu có) .....

#### 5. Mục tiêu:

*Nêu rõ các mục tiêu như nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả sản xuất và thu nhập của các đối tác tham gia; bảo đảm ổn định vùng nguyên liệu cho chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản; nâng cao chất lượng nông sản và những mục tiêu khác.*

### **Phần II. TÓM TẮT NỘI DUNG DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN) CÁNH ĐỒNG LỚN.**

#### 1. Bối cảnh xây dựng dự án: Giới thiệu các nội dung chính sau đây

- Tình hình sản xuất, tiêu thụ nông sản mà Dự án dự kiến đầu tư sản xuất. Những thuận lợi khó khăn hiện nay trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đang gặp phải.

- Nhu cầu của thị trường tiêu thụ (sản lượng, chất lượng và giá cả nông sản) và những rủi ro của phương thức sản xuất hiện tại (không có liên kết).

- Cơ hội mà liên kết gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn tạo ra cho các thành phần tham gia Dự án (Phương án).

#### 2. Địa bàn triển khai và thời gian thực hiện

- Địa bàn triển khai: Tên địa điểm (mô tả theo Quy hoạch hoặc Kế hoạch cánh đồng lớn); đặc điểm kinh tế xã hội vùng sản xuất.

- Thời gian thực hiện: Ghi rõ số năm và số vụ sản xuất mà Dự án (Phương án) dự kiến tổ chức xây dựng cánh đồng lớn.

#### 3. Nội dung kế hoạch đầu tư sản xuất trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn, bao gồm các kế hoạch cụ thể sau:

- Diện tích, năng suất, sản lượng, giống nông sản dự kiến theo từng năm, từng mùa vụ liên kết.

- Kế hoạch đầu tư xây dựng và củng cố hạ tầng phục vụ sản xuất (mương máng, bờ vùng, đường nội đồng, trạm bơm, kho chứa, hệ thống điện).

- Kế hoạch đầu tư, chi phí vật tư, phân bón và lao động cho sản xuất theo mùa vụ trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

- Kế hoạch tiêu thụ, bảo quản và chế biến nông sản cho nông dân.

#### 4. Hình thức liên kết:

Mô tả cụ thể các hình thức liên kết dự kiến sẽ áp dụng trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

- Hình thức liên kết giữa doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong tiêu thụ sản phẩm nông sản.



- Hình thức liên kết giữa doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong cung cấp dịch vụ và vật tư phân bón cho nông dân.

- Vai trò của doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân, chính quyền nhà nước và các tác nhân khác trong liên kết sản xuất.

5. Quy trình sản xuất và quy trình kỹ thuật dự kiến áp dụng trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn:

- Mô tả quy trình sản xuất (kỹ thuật làm đất; chủng loại giống; yêu cầu phẩm cấp chất lượng giống sử dụng trong sản xuất; quy trình bón phân, chăm sóc, tưới nước, làm cỏ; quy trình thu hoạch và sơ chế và bảo quản...) được quy định trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn (thường do các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm đề xuất và được các đối tác tham gia cánh đồng lớn như nông dân, doanh nghiệp cung cấp phân bón vật tư nông nghiệp chấp nhận nhằm bảo đảm chất lượng nông sản và nâng cao hiệu quả sản xuất).

- Mô tả phương thức kiểm soát quy trình sản xuất và chất lượng nông sản trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

6. Các hoạt động và các giải pháp chính nhằm thực hiện Dự án (Phương án) cánh đồng lớn

- Củng cố, đầu tư xây dựng hạ tầng trong vùng cánh đồng lớn.

- Xây dựng các tổ chức nông dân.

- Ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nông sản và hợp đồng cung cấp vật tư dịch vụ đầu vào cho sản xuất.

- Đào tạo, tập huấn cho nông dân.

- Chuyển giao khoa học kỹ thuật.

- Các giải pháp khác (nếu có)

7. Đề xuất kinh phí thực hiện Dự án (Phương án) cánh đồng lớn

- Xác định những khoản mục, hoạt động cần thiết nhằm thực hiện Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

- Dự toán chi tiết kinh phí đầu tư thực hiện Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

- Nguồn kinh phí thực hiện Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

### **Phần III: HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN) CÁNH ĐỒNG LỚN**

1. Phân tích hiệu quả kinh tế của Dự án (Phương án)

- Lợi ích chung mà Dự án (Phương án) cánh đồng lớn có thể mang lại như: *Nâng cao được chất lượng và giá bán nông sản; nâng cao hiệu quả đầu tư sản xuất và năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông sản; góp phần phát triển bền vững ngành nông nghiệp ở địa phương.*

- Lợi ích đối với nông dân và các tổ chức đại diện của nông dân như: *Nâng cao thu nhập cho người sản xuất; hạn chế rủi ro trong sản xuất.*

- Lợi ích đối với các doanh nghiệp: *Bảo đảm ổn định nguồn nguyên liệu cung cấp cho doanh nghiệp; nâng cao chất lượng nguyên liệu phục vụ chế biến và tiêu thụ của doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả xuất kinh doanh của doanh nghiệp.*

2. Đánh giá các rủi ro và các biện pháp giảm thiểu

- Các rủi ro về thị trường và giải pháp khắc phục trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

- Những rủi ro về mặt tổ chức thực hiện các Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

- Các rủi ro và rào cản khác Dự án hoặc Phương án có thể gặp phải.

### **Phần IV. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Nêu cụ thể các nội dung sau đây trong Kế hoạch tổ chức thực hiện:

1. Kế hoạch xây dựng tổ chức đại diện của nông dân.
2. Kế hoạch đào tạo kỹ thuật cho nông dân.
3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất trong cánh đồng lớn.
4. Kế hoạch hỗ trợ các dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất trong cánh đồng lớn.
5. Kế hoạch tài chính.
6. Kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

**GIÁM ĐỐC/CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **III. Lĩnh vực nước sạch**

#### **1. Báo cáo kê khai công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung**

##### **Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Các đơn vị quản lý công trình chịu trách nhiệm tổ chức lập 03 bộ hồ sơ theo Mẫu báo cáo kê khai công trình quy định tại Khoản 2 Điều 19 Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (mỗi công trình lập riêng một Mẫu báo cáo kê khai); kèm theo các giấy tờ liên quan; gửi 02 bộ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 01 bộ lưu tại đơn vị. Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông theo địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần vào giờ hành chính (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).

**Bước 2:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển hồ sơ cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thông báo cho các đơn vị quản lý công trình biết, để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

**Bước 3:** Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức xác nhận vào các báo cáo kê khai công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, đồng thời gửi 01 bộ đến Sở Tài chính để thực hiện đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu về công trình.

**Bước 4:** Các tổ chức nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận kết quả Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Thành phần và số lượng hồ sơ:**

a) Hồ sơ gồm:

\* Báo cáo kê khai:

- Báo cáo kê khai lần đầu: Mẫu số 01-BC/CTNSNT ban hành kèm theo Thông tư 54/2013/ TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính (bản chính).

- Báo cáo kê khai bổ sung (bản chính), gồm:

+ Thay đổi thông tin về đơn vị quản lý công trình: Mẫu số 02-BC/CTNSNT ban hành kèm theo Thông tư 54/2013/ TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

+ Thay đổi thông tin về công trình: Mẫu số 03-BC/CTNSNT ban hành kèm theo Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

+ Xoá thông tin trong Cơ sở dữ liệu về công trình: Mẫu số 04-BC/CTNSNT ban hành kèm theo Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo kê khai thay đổi thông tin về khai thác công trình: Mẫu số 05-BC/CTNSNT ban hành kèm theo Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính (bản chính).

\* Bản sao các giấy tờ có liên quan đến công trình cấp nước sạch nông thôn.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ hồ sơ.

**Thời gian giải quyết:** 10 ngày làm việc.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Đơn vị thực hiện quản lý các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

**Lệ phí:** Không.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Báo cáo kê khai lần đầu: Mẫu số 01-BC/CTNSNT ban hành kèm theo Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo kê khai bổ sung, gồm:

+ Thay đổi thông tin về đơn vị quản lý công trình: Mẫu 02-BC/CTNSNT ban hành kèm theo Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

+ Thay đổi thông tin về công trình: Mẫu số 03-BC/CTNSNT ban hành kèm theo Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

+ Xoá thông tin trong Cơ sở dữ liệu về công trình: Mẫu số 04-BC/CTNSNT ban hành kèm theo Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo kê khai thay đổi thông tin về khai thác công trình: Mẫu số 05-BC/CTNSNT ban hành kèm theo Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

**Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

....., ngày..... tháng..... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA SỞ NÔNG  
NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN  
NÔNG THÔN**

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, họ tên và đóng dấu)